

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hải,
Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Qui định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định

phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 03/08/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Hải, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 06/TTr-QLĐT ngày 20/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

2.1. Vị trí, phạm vi ranh giới: Khu vực quy hoạch chung xây dựng xã là toàn bộ phạm vi địa giới hành chính xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn có ranh giới xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch;
- Phía Nam giáp xã Quảng Lộc và xã Quảng Tân;
- Phía Đông giáp phường Quảng Phong;
- Phía Tây giáp xã Quảng Trung.

2.2. Quy mô lập quy hoạch: Ranh giới xã Quảng Hải khoảng 425,79 ha.

3. Thời hạn quy hoạch. Đồ án quy hoạch được xác định trong thời hạn từ 2022 đến năm 2030. Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025, giai đoạn dài hạn đến năm 2030.

4. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

4.1. Mục tiêu quy hoạch:

- Rà soát đồ án Quy hoạch nông thôn mới xã Quảng Hải để điều chỉnh và bổ sung các khu vực chức năng nhằm phù hợp với định hướng của đồ án Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đảm bảo hợp lý về sử dụng đất và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng, kiểm soát phát triển theo quy hoạch.

4.2. Tính chất, chức năng của xã:

- Quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với đường lối chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của xã nói riêng và của thị xã Ba Đồn nói chung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Ba Đồn.

- Triển khai, cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của xã đến năm 2025.

- Theo tiềm năng và định hướng phát triển kinh tế xã hội xã Quảng Hải được định hướng kinh tế chủ đạo của xã là nông nghiệp kết hợp tiểu thủ công nghiệp.

5. Quy mô dân số theo từng giai đoạn phát triển:

- Dân số hiện trạng: Toàn xã có 3.106 người;

- Đến năm 2025: Toàn xã có 3.322 người;

- Đến năm 2030: Toàn xã có 3.619 người.

6. Định hướng tổ chức không gian xã:

6.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn:

- *Khu trung tâm xã:* Khu trung tâm xã quy hoạch tại vị trí thôn Tân Đông trên trục đường liên xã quy hoạch rộng 23m. Vị trí này có địa thế đẹp, thuận tiện giao thông.

- *Các công trình thể thao, văn hóa:*

+ Các công trình thể thao phục vụ chung toàn xã bố trí tại khu trung tâm xã như: sân vận động trung tâm, nhà thi đấu,...;

+ Xây dựng mới nhà văn hoá xã tại khu trung tâm;

+ Nhà văn hóa và sân thể thao của các thôn chủ yếu giữ tại vị trí hiện trạng, nhà văn hóa thôn Vân Trung quy hoạch vị trí mới, xây dựng bổ sung các hạng mục và trang bị thiết bị;

+ Đất cây xanh, công viên: bố trí công viên, cây xanh tại khu trung tâm.

- *Khu y tế:* Trạm Y tế xã được giữ nguyên vị trí, chỉnh trang.

- *Các khu trường học:* Các trường học giữ nguyên vị trí và quy mô như hiện nay. Bố trí các phòng chức năng phục vụ công tác giảng dạy, chỉnh trang khuôn viên, tạo không gian xanh, thân thiện, môi trường học tập tốt cho con em trên địa bàn học hành.

- *Các khu, cụm, điểm công nghiệp:* Quy hoạch cụm tiểu thủ công nghiệp được bố trí cách xa khu dân cư và nằm ở cuối phía Tây của xã với diện tích khoảng 0,55ha.

- *Khu thương mại dịch vụ:* Bố trí các điểm dịch vụ thương mại, trên trục đường chính quy hoạch rộng 23m (bao quanh xã Quảng Hải).

- *Các khu sản xuất nông nghiệp*: Tiếp tục triển khai sản xuất lúa trên diện tích canh tác hiện trạng của nhân dân, khu vực thuộc phần đất chuyển đổi vẫn tiến hành sản xuất, khi thực hiện dự án tiến hành đền bù theo quy định của nhà nước. Đảm bảo quyền lợi của người dân.

- *Khu nghĩa trang, nghĩa địa*: Duy trì các nghĩa trang hiện tại, tổng diện tích đất nghĩa trang khoảng 6,04ha.

6.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo tại các khu dân cư hiện hữu

Dân cư hiện hữu được hình thành và phát triển chủ yếu dọc theo các trục đường giao thông chính của địa phương phần lớn đã ổn định và tập trung, vì vậy phát triển mạng lưới điểm dân cư trên quan điểm:

- Giữ gìn và tạo mới không gian mở, hướng nhìn, điểm nhìn xung quanh các nhà thờ, nhà văn hóa, sân thể thao công cộng (hạn chế sử dụng hàng rào cứng, dùng sân lát gạch thuận lợi cho sử dụng, phủ cây xanh bóng mát) phục vụ cho giao lưu cộng đồng. Tạo sự hấp dẫn cho các công trình tiếp giáp để trở thành trung tâm dịch vụ, sinh hoạt trong khu dân cư.

- Không gian quy hoạch: Trên nền tảng không gian bản sắc truyền thống hiện hữu, lấy không gian công cộng sinh hoạt cộng đồng làm hạt nhân (sân lễ hội, thể dục thể thao, nhà trẻ, trường học, trạm y tế...), tổ chức các không gian thôn, làng, xóm xung quanh và gắn với không gian vùng sản xuất nông nghiệp.

- Đối với cảnh quan khu dân cư: cải tạo chỉnh trang tại các thôn trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống địa phương. Xây dựng nhà ở sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh.

- Nhà ở: Không gian nhà ở tổ chức phù hợp đặc điểm sản xuất của hộ gia đình, kinh tế vườn, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm dịch vụ ... trong phạm vi đất được giao. Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại. Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản... sẽ tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

- Thôn xóm bố trí dọc theo đường giao thông chính, giao thông ngõ xóm bố trí vuông góc với đường chính để đảm bảo thuận lợi giao thông và quản lý của các cụm dân cư.

- Các công trình công cộng trong thôn xóm như Nhà văn hóa, Trường học... như hiện trạng có chỉnh trang nâng cấp cho phù hợp.

- Bảo vệ các công trình, cảnh quan có giá trị như cây xanh, bến nước...

- Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng các khu đất xen kẽ, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Quy hoạch khu dân cư mới trên địa bàn toàn xã: Theo quy hoạch chung Thị xã Ba Đồn các điểm dân cư mới được bố trí như sau:

+ Theo quy hoạch chung Thị xã Ba Đồn, các điểm dân cư mới được định hướng phân bố dọc về hướng Đông Tây theo trục đường 15m liên thôn, diện tích 4,25ha.

+ Bố trí các điểm dân cư mới, liền kề với khu vực dân cư hiện hữu, tạo kết nối và đồng bộ với khu vực dân cư hiện trạng, phù hợp nhu cầu thực tế và hiện trạng sử dụng đất.

7. Phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030:

7.1. Phân khu chức năng:

- Đất nông nghiệp bao gồm: Đất trồng lúa; đất nuôi trồng thủy sản; đất trồng cây hàng năm; đất rừng sản xuất.

- Đất xây dựng bao gồm:

+ Các khu ở gồm có: Hiện trạng khu dân cư (khu ở cũ được cải tạo chỉnh trang) và nhóm nhà ở mới;

+ Đất công cộng: đất nhà văn hóa, đất giáo dục, đất trụ sở cơ quan, y tế, chợ;

+ Đất cây xanh, thể dục, thể thao;

+ Đất di tích, tín ngưỡng;

+ Đất tiêu thủ công nghiệp, làng nghề;

+ Đất xây dựng các chức năng khác: đất nông nghiệp khác;

+ Đất xử lý chất thải;

+ Đất giao thông;

+ Đất nghĩa địa;

+ Đất khác: bao gồm đất ao hồ, sông suối, mặt nước.

7.2. Bảng tổng hợp sử dụng đất:

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ
				chiếm đất (%)
TỔNG CỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT			425,79	100
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP		116,92	27,46
1	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	LUA	95,78	22,49
1.1	ĐẤT TRỒNG LÚA	LUC	95,78	22,49
1.1.1	Đất trồng lúa 1	LUC1	1,8	
1.1.2	Đất trồng lúa 2	LUC2	4,1	
1.1.3	Đất trồng lúa 3	LUC3	34	
1.1.4	Đất trồng lúa 4	LUC4	2,36	
1.1.5	Đất trồng lúa 5	LUC5	1,8	
1.1.6	Đất trồng lúa 6	LUC6	1,8	
1.1.7	Đất trồng lúa 7	LUC7	5,4	
1.1.8	Đất trồng lúa 8	LUC8	1,02	
1.1.9	Đất trồng lúa 9	LUC9	3	

1.1.10	Đất trồng lúa 10	LUC10	1,2	
1.1.11	Đất trồng lúa 11	LUC11	2,5	
1.1.12	Đất trồng lúa 12	LUC12	8,7	
1.1.13	Đất trồng lúa 13	LUC13	19,7	
1.1.14	Đất trồng lúa 14	LUC14	8,4	
2	ĐẤT LÂM NGHIỆP	LNP	6,04	1,42
2.1	Đất rừng phòng hộ	RPH1	0,52	
2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH2	0,78	
2.3	Đất rừng phòng hộ	RPH3	0,9	
2.4	Đất rừng phòng hộ	RPH4	2,03	
2.5	Đất rừng phòng hộ	RPH5	1,81	
3	ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	NTTS	7,80	1,83
3.1	Đất nuôi trồng thủy sản 1	NTTS1	1,8	
3.2	Đất nuôi trồng thủy sản 2	NTTS2	6	
4	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC	NKH	7,30	1,71
4.1	Đất trồng cây hằng năm khác 1	HNK1	1,6	
4.2	Đất trồng cây hằng năm khác 2	HNK2	5,7	
II	ĐẤT XÂY DỰNG		115,34	27,09
1	ĐẤT Ở		66,22	15,55
1.1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG	OHT	61,97	14,55
1.1.1	Đất ở hiện trạng 1	OHT1	0,79	
1.1.2	Đất ở hiện trạng 2	OHT2	2,63	
1.1.3	Đất ở hiện trạng 3	OHT3	7	
1.1.4	Đất ở hiện trạng 4	OHT4	8,2	
1.1.5	Đất ở hiện trạng 5	OHT5	3	
1.1.6	Đất ở hiện trạng 6	OHT6	1,01	
1.1.7	Đất ở hiện trạng 7	OHT7	11,03	
1.1.8	Đất ở hiện trạng 8	OHT8	7,62	
1.1.9	Đất ở hiện trạng 9	OHT9	7,4	
1.1.10	Đất ở hiện trạng 10	OHT10	6,5	
1.1.11	Đất ở hiện trạng 11	OHT11	4,89	
1.1.12	Đất ở hiện trạng 12	OHT12	1,9	
1.2	ĐẤT NHÓM NHÀ Ở	OM	4,25	1,00
1.2.1	Đất nhóm nhà ở mới 1	OM1	1	
1.2.2	Đất nhóm nhà ở mới 2	OM2	0,6	
1.2.3	Đất nhóm nhà ở mới 3	OM3	1,4	
1.2.4	Đất nhóm nhà ở mới 4	OM4	0,48	
1.2.5	Đất nhóm nhà ở mới 5	OM5	0,77	
2	ĐẤT CÔNG CỘNG		49,12	11,54
2.1	ĐẤT NHÀ VĂN HÓA	NVH	0,73	0,17
2.1.1	Đất nhà văn hóa thôn Tân Thượng	NVH1	0,1	
2.1.2	Đất nhà văn hóa thôn Tân Thượng	NVH2	0,05	

2.1.3	Đất nhà văn hóa thôn Vân Bắc	NVH3	0,18	
2.1.4	Đất nhà văn hóa thôn Vân Trung	NVH4	0,15	
2.1.5	Đất nhà văn hóa thôn Vân Nam	NVH5	0,12	
2.1.6	Đất nhà văn hóa thôn Vân Đông	NVH6	0,03	
2.1.7	Đất quy hoạch nhà văn hóa Vân Đông	NVH7	0,1	
2.2	ĐẤT GIÁO DỤC	GD	2,12	0,50
2.2.1	Trường Mầm non xã Quảng Hải	GD1	0,97	
2.2.2	Trường THCS &Tiểu học xã Quảng Hải	GD2	1,15	
2.3	ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN, Y TẾ, CHỢ	CC	1,18	0,28
2.3.1	UBND xã Quảng Hải	DTS	0,37	
2.3.2	Đất trạm Y tế xã	DYT	0,11	
2.3.3	Chợ xã Quảng Hải	CHO	0,52	
2.3.4	Trụ sở công an xã	CAX	0,09	
2.3.5	Trụ sở quân sự xã	QS	0,09	
3	ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC, THỂ THAO	DTT	0,55	0,13
3.1	Đất thể dục thể thao	DTT	0,55	
4	ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG	DDT,TIN	0,12	0,03
4.1	Đất Tôn giáo	TON	0,12	
5	ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, LÀNG NGHỀ	TTCN	0,55	0,13
5.1	Đất Tiểu thủ công nghiệp	TTCN	0,55	
6	ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC		0,41	0,10
6.1	Đất công trình công cộng khác	CC	0,41	
7	ĐẤT GIAO THÔNG	GT	37,42	8,79
8	ĐẤT NGHĨA ĐỊA	NT	6,04	1,42
8.1	Nghĩa trang liệt sỹ	NT1	0,14	
8.2	Đất nghĩa địa 2	NT2	3,7	
8.3	Đất nghĩa địa 3	NT3	2,2	
III	ĐẤT KHÁC		193,53	45,45
1	ĐẤT SÔNG, NGÒI, KÊNH RẠCH, SUỐI	SON	151,07	35,48
2	ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC CHUYÊN DỪNG	MNC	0,81	0,19
3	ĐẤT HỖN HỢP	HH	41,65	9,78

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã.

8.1. Quy hoạch phát triển hệ thống giao thông:

- Hướng tuyến đường cao tốc Bắc Nam đi ngang xã Quảng Hải với chiều dài 518m, mặt cắt quy hoạch rộng 70m bao gồm mặt đường cao tốc, mái taluy và hệ thống đường gom; mặt đường cao tốc bao gồm 4 làn chính và 2 làn dừng đỗ khẩn cấp.

- Định hướng quy hoạch tuyến đường rộng 36 m đoạn từ QL12A qua vị trí cầu Quảng Hải đi qua Quảng Lộc, Quảng Hòa, Quảng Minh, kết nối Bó Trạch

thuộc đồ án quy hoạch chung thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (mặt đường rộng 2x9,5m, dải phân cách rộng 5,0m, vỉa hè đường rộng 2x6,0m).

- Định hướng tuyến đường 23m (cơ cấu mặt đường rộng 15,0m, vỉa hè 2x4,0m) chạy ven sông Gianh bao quanh xã Quảng Hải.

- Các khu vực quy hoạch mới, mạng lưới giao thông được bố trí cơ bản theo dạng ô vuông hình bàn cờ để tạo sự kết nối dễ dàng và liên tục, tạo sự thuận lợi trong vấn đề tiếp cận giao thông. Các khu vực cũ, trên nguyên tắc tôn trọng hiện trạng, cải tạo nâng cấp một số tuyến đường chính tạo thành mạng lưới liên hoàn đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển của đô thị đồng thời phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Các tuyến đường nối các khu chức năng với nhau được quy hoạch với mặt cắt ngang rộng từ 5,0m÷15,0m.

- Trong các khu dân cư cũ hiện có chỉ xoi đường, chỉnh trang và mở rộng hết khả năng có thể nhưng không phá vỡ và ảnh hưởng đến đền bù giải toả nhiều gây tốn kém và khó khăn trong quá trình thực hiện đầu tư.

8.2. Quy hoạch san nền, chuẩn bị kỹ thuật đất:

Định hướng san nền, chuẩn bị kỹ thuật đất dựa trên nguyên tắc: Thiết kế san nền đảm bảo không bị lầy lội vào mùa mưa; Kết hợp tốt giữa thoát nước theo mạng và thoát nước tự thấm tại chỗ; Tôn trọng hiện trạng và địa hình tự nhiên, giữ gìn bảo vệ lớp đất màu và cảnh quan hiện có; Khối lượng đào đắp ít nhất, cân bằng được khối lượng đào, đắp tại chỗ; Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng thấp nhất.

8.3. Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước được thiết kế trên cơ sở Quy hoạch chung đã được phê duyệt. Mạng lưới thoát nước thoát về sông Gianh. Tại khu vực ruộng lúa thấp trũng ở giữa, tổ chức các tuyến mương thoát lũ kết hợp cảnh quan băng qua khu dân cư hiện có. Hệ thống mương thoát nước được duy trì và tổ chức mới nhằm đảm bảo tính kết nối, thoát nước nhanh và là yếu tố tạo cảnh quan, cải tạo điều kiện vi khí hậu.

8.4. Quy hoạch cấp nước:

Nguồn nước cấp cho xã Quảng Hải được lấy từ Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch hiện có. Dự án đã thực hiện xong giai đoạn 1 với công suất 10.000 m³/ngày.đêm, cung cấp nước sạch cho 10 xã (xã Quảng Tiên, Quảng Trung, Quảng Tân, Quảng Hải, Quảng Thủy, Quảng Lộc, Quảng Hòa, Quảng Văn, Quảng Minh, Quảng Sơn). Nhà máy xử lý nước sạch số 1 được xây dựng tại xã Quảng Sơn. Hệ thống đường ống cấp 1.2. các tuyến ống dịch vụ đã được đầu tư xây dựng.

Mạng lưới cấp nước được thiết kế tuân thủ Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn đã được phê duyệt trên cơ sở mạng lưới tuyến ống cấp nước chính hiện có. Tổ chức hoàn thiện các tuyến ống chính theo mạng vòng đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục, phục vụ sản xuất, sinh hoạt và cứu hỏa. Trên mạng lưới chính bố trí các họng cứu hỏa, đảm bảo bán kính phục vụ 150m. Họng cứu hỏa được bố trí tại các khu vực ngã 3,4...đảm bảo thuận tiện cứu hỏa khi có đám cháy xảy ra.

8.5. Quy hoạch Cấp điện :

Xây dựng hệ thống cấp điện theo yêu cầu an toàn của ngành điện, đảm bảo 100% được cấp điện thường xuyên và an toàn từ lưới điện quốc gia.

8.6. Quy hoạch Hạ tầng viễn thông :

Mạng thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng bằng các biện pháp lắp thêm trạm BTS đồng thời nâng cấp cấu hình các trạm, hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên mạng di động.

8.7. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

8.7.1. Quy hoạch Thoát nước thải:

- Trên cơ sở của bảng tổng hợp chức năng sử dụng đất, diện tích nghiên cứu, tính toán mạng lưới thoát nước thải của khu vực dựa trên tính toán nhu cầu cấp nước và được tính bằng 80% lượng nước cấp.

- Khu vực quy hoạch dùng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải sẽ được thu gom theo hệ thống cống riêng biệt. Nước thải tự chảy theo các tuyến cống dọc đường. Hệ thống đường cống thoát nước bao gồm các cỡ đường kính D200, D300mm (*chi tiết xem bản vẽ*).

- Trong phạm vi toàn xã, bố trí 01 trạm bơm nâng cốt để trung chuyển nước thải về trạm xử lý công suất 3.000m³/ng.đêm được đặt tại khu vực ruộng lúa xã Quảng Hải theo định hướng quy hoạch chung. Các trạm bơm được bố trí tại khu cây xanh, đất công viên, đảm bảo tiêu chuẩn cách ly vệ sinh môi trường.

8.7.2. Quy hoạch Quản lý Chất thải rắn (CTR): - Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. CTR hữu cơ cho chăn nuôi gia súc, ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ, chuyển lên khu xử lý CTR tập trung của thị xã.

8.7.3. Quy hoạch nghĩa trang:

- Đối với các khu nghĩa trang, nghĩa địa sát các khu dân cư trong bán kính dưới 500m cần quản lý vận động không tiếp tục chôn cất sau khi quy hoạch được duyệt, chỉ trồng cây xanh tạo môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp; Các khu nghĩa trang cũ, hiện hữu đảm bảo các điều kiện được khoanh vùng và chỉnh trang, tổng diện tích khoảng 6,04ha.

- Nghĩa trang được xây dựng dải cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh, theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tâm linh của nhân dân; có cổng, tường rào bao quanh và phân chia các khu vực mai táng cụ thể (hung táng, cát táng).

- Khuyến khích di dời các điểm nghĩa trang lẻ hiện có chuyển vào các khu vực Nghĩa trang quy hoạch tập trung.

Điều 2. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 04/04/2012 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Hải, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình).

Giao Phòng Quản lý đô thị thị xã Ba Đồn phối hợp với UBND xã Quảng Hải tổ chức công bố, công khai đề án quy hoạch để các tổ chức và nhân dân biết và thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên & Môi trường, Tài chính- Kế hoạch, Kinh tế, Văn hóa thông tin; Chủ tịch UBND xã Quảng Hải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND Thị xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Minh Thọ